

Số: 2914/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Công bố kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013 của các Cục, Tổng cục thuộc Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1889/QĐ-BGTVT ngày 03/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và chế độ báo cáo định kỳ tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 04/7/2014 của Tổ thẩm định kết quả tự đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013 của các Cục, Tổng cục thuộc Bộ Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013 của các Cục, Tổng cục thuộc Bộ Giao thông vận tải;

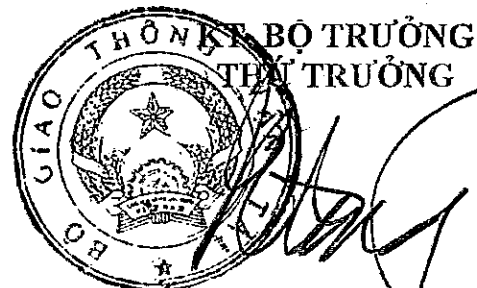
Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013 của các Cục, Tổng cục thuộc Bộ Giao thông vận tải tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ kết quả đánh giá tại Điều 1, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được đánh giá xếp hạng có giải pháp kịp thời để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị mình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành; Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin, Tổng cục trưởng Tổng cục đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*TH*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Website Bộ GTVT;
- Lưu VT, TTCNTT.



Nguyễn Hồng Trường

PHỤ LỤC

Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013 của các Cục, Tổng cục thuộc Bộ Giao thông vận tải

(Kèm theo Quyết định số 2914 /QĐ-BGTVT ngày 04 /9/2014 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

Bảng 1: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Hạ tầng kỹ thuật CNTT (tối đa 50 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng không Việt Nam	40	50	50	1
2	Cục Hàng hải Việt Nam	36	50	50	1
3	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	50	43	43	3
4	Cục Đăng kiểm Việt Nam	45	43	43	3
5	Cục Đường sắt Việt Nam	18,5	42	42	5
6	Cục Y tế GTVT	36	41	41	6
7	Cục Đường thủy nội địa VN	50	40	40	7
8	Cục QLXD&CLCT GT	40,5	33	33	8

Bảng 2: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan (tối đa 140 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng hải Việt Nam	96	109	109	1
2	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	85	101	101	2
3	Cục Hàng không Việt Nam	130	97	97	3
4	Cục Đường sắt Việt Nam	84	81,5	81,5	4
5	Cục Đăng kiểm Việt Nam	135	77,5	77,5	5
6	Cục Y tế GTVT	50,5	65,5	65,5	6
7	Cục QLXD&CLCT GT	150	67	64	7
8	Cục Đường thủy nội địa VN	60	42	42	8

Bảng 3: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Trang/Cổng thông tin điện tử (tối đa 140 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng hải Việt Nam	140	128	128	1

PHỤ LỤC

Kết quả đánh giá xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013 của các Cục, Tổng cục thuộc Bộ Giao thông vận tải

(Kèm theo Quyết định số 29/M /QĐ-BGTVT ngày 01/3/2014 của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải)

Bảng 1: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Hạ tầng kỹ thuật CNTT (tối đa 50 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng không Việt Nam	40	50	50	1
2	Cục Hàng hải Việt Nam	36	50	50	1
3	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	50	43	43	3
4	Cục Đăng kiểm Việt Nam	45	43	43	3
5	Cục Đường sắt Việt Nam	18,5	42	42	5
6	Cục Y tế GTVT	36	41	41	6
7	Cục Đường thủy nội địa VN	50	40	40	7
8	Cục QLXD&CLCT GT	40,5	33	33	8

Bảng 2: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan (tối đa 140 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng hải Việt Nam	96	109	109	1
2	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	85	101	101	2
3	Cục Hàng không Việt Nam	130	97	97	3
4	Cục Đường sắt Việt Nam	84	81,5	81,5	4
5	Cục Đăng kiểm Việt Nam	135	77,5	77,5	5
6	Cục Y tế GTVT	50,5	65,5	65,5	6
7	Cục QLXD&CLCT GT	150	67	64	7
8	Cục Đường thủy nội địa VN	60	42	42	8

Bảng 3: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Trang/Cổng thông tin điện tử (tối đa 140 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng hải Việt Nam	140	128	128	1

2	Cục Hàng không Việt Nam	130	122	122	2
3	Cục Đường sắt Việt Nam	62,8	108	108	3
4	Cục Đăng kiểm Việt Nam	100	102	102	4
5	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	75	96,5	96,5	5
6	Cục QLXD&CLCT GT	120	93,5	93,5	6
7	Cục Y tế GTVT	110	91	91	7
8	Cục Đường thủy nội địa VN	100	85	85	8

Bảng 4: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Dịch vụ công trực tuyến (tối đa 100 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng hải Việt Nam	80	80	80	1
2	Cục Hàng không Việt Nam	60	30	30	2
3	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	20	20	20	3
4	Cục Đường thủy nội địa VN	0	20	0	Không XH
5	Cục Đường sắt Việt Nam	20	20	0	Không XH
6	Cục Đăng kiểm Việt Nam	20	20	0	Không XH
7	Cục QLXD&CLCT GT	0	0	0	Không XH
8	Cục Y tế GTVT	0	0	0	Không XH

Ghi chú: Không tính điểm và xếp hạng tiêu chí Dịch vụ công trực tuyến đối với các Cục: ĐTNĐVN, ĐSVN, ĐKVN, QLXD&CLCTGT và Y tế GTVT theo quy định tại Quyết định số 503/QĐ-BGTVT ngày 04/3/2013 của Bộ GTVT về Phê duyệt Kế hoạch cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ GTVT giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020.

Bảng 5: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin (tối đa 50 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Hàng hải Việt Nam	47	39,5	39,5	1
2	Cục Hàng không Việt Nam	25	39	39	2
3	Cục Đường sắt Việt Nam	12,5	32,5	32,5	3
4	Cục Y tế GTVT	36	29,5	29,5	4
5	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	30	28,5	28,5	5
6	Cục QLXD&CLCT GT	12,5	20	20	6
7	Cục Đăng kiểm Việt Nam	35	16	16	7
8	Cục Đường thủy nội địa VN	0	3	3	8

Bảng 6: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Các quy định cho ứng dụng CNTT (tối đa 50 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Đường sắt Việt Nam	16,58	45,5	45,5	1
2	Cục Hàng không Việt Nam	25	36,5	36,5	2
3	Cục Hàng hải Việt Nam	9	36,5	36,5	2
4	Cục Y tế GTVT	41	32	32	4
5	Cục QLXD&CLCT GT	40,5	18,5	18,5	5
6	Cục Đường thủy nội địa VN	0	14	14	6
7	Cục Đăng kiểm Việt Nam	30	14	14	6
8	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	25	9,5	9,5	8

Bảng 7: Kết quả đánh giá theo nhóm tiêu chí Nhân lực và đầu tư cho ứng dụng CNTT (tối đa 25 điểm)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Xếp hạng
1	Cục Đường thủy nội địa VN	15	24	24	1
2	Cục Hàng hải Việt Nam	25	23,5	23,5	2
3	Cục Đường sắt Việt Nam	11,26	23	23	3
4	Cục Hàng không Việt Nam	20	21	21	4
5	Cục Đăng kiểm Việt Nam	20	21	21	4
6	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	13	18	18	6
7	Cục Y tế GTVT	12,5	16	16	7
8	Cục QLXD&CLCT GT	20	12	12	8

Bảng 8: Kết quả đánh giá tổng thể mức độ ứng dụng CNTT của các đơn vị (tối đa 555 và 455 điểm - đối với các đơn vị không phải tham gia đánh giá dịch vụ công trực tuyến)

STT	Tên đơn vị	Điểm tự đánh giá của đơn vị	Điểm đánh giá thực tế tại đơn vị	Điểm đánh giá của Tổ thẩm định	Điểm tổng thể tối đa
1	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	298	316,5	316,5	555
2	Cục Hàng không Việt Nam	440	395,5	395,5	555
3	Cục Hàng hải Việt Nam	433	466,5	466,5	555
4	Cục Đường thủy nội địa VN	225	228	208	455
5	Cục Đường sắt Việt Nam	225,64	352,5	320,5	455
6	Cục Đăng kiểm Việt Nam	385	293,5	273,5	455
7	Cục QLXD&CLCT GT	383,5	244	244	455
8	Cục Y tế GTVT	286	275	275	455

ĐÁNH GIÁ XẾP HẠNG TỔNG THỂ

STT	Tên đơn vị	Kết quả đánh giá của Tổ thẩm định		Xếp hạng	Xếp loại
		Điểm đánh giá của Tổ thẩm định / Điểm tổng thể tối đa	Kết quả		
1	Cục Hàng hải Việt Nam	466,5/555	0,84	1	Tốt
2	Cục Hàng không Việt Nam	395,5/555	0,71	2	Khá
3	Cục Đường sắt Việt Nam	320,5/455	0,70	3	Khá
4	Cục Y tế GTVT	275/455	0,61	4	T.Bình
5	Cục Đăng kiểm Việt Nam	273,5/455	0,60	5	T.Bình
6	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	316,5/555	0,57	6	T.Bình
7	Cục QLXD&CLCT GT	244/455	0,54	7	T.Bình
8	Cục Đường thủy nội địa VN	208/455	0,46	8	Yếu